

BỘ LAO ĐỘNG -  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ  
HỘI  
Số: 1085/LĐTBXH-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 1996

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc,  
độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

### BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 96/CP ngày 7/12/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Bộ luật lao động ngày 23/6/1994;*

*Sau khi có ý kiến của Bộ Y tế tại Công văn số 7263/VS ngày 28/8/1996.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản danh mục tạm thời: "Nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm" và "Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm" thuộc lĩnh vực quân sự.

**Điều 2.** Quân nhân, công nhân viên quốc phòng làm các nghề, công việc nói tại Điều 1, được thực hiện các chế độ bảo hộ lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Bản danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm kèm theo Quyết định này, chỉ áp dụng đối với các đối tượng do Bộ Quốc phòng quản lý và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1995.

**BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Lê Duy Đồng

(Đã ký)

DANH MỤC

NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1085/LĐTBXH-QĐ ngày 06 tháng 9 năm 1996)

I. PHÒNG KHÔNG - TÊN LỬA - TÁC CHIẾN ĐIỆN TỬ.

| Số TT | Tên nghề hoặc công việc                                                                                            | Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc                                                                                     |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       | Điều kiện lao động loại VI                                                                                         |                                                                                                                                        |
| 1     | Sửa chữa anten radar, radar tên lửa.                                                                               | Ảnh hưởng điện từ trường siêu cao tần vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý. |
|       | Điều kiện lao động loại V                                                                                          |                                                                                                                                        |
| 2     | Vận hành, bảo dưỡng, hiệu chỉnh, sửa chữa thiết bị xe, đài điều khiển tên lửa, xe đài tác chiến điện tử.           | Tư thế gò bó, ảnh hưởng điện từ trường siêu cao tần vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.                                                |
| 3     | Điều khiển (hệ phát lệnh, hệ thống nhiều, hệ tọa độ, máy hỏi, quang truyền hình) tên lửa, radar tác chiến điện tử. | Thường xuyên tiếp xúc điện từ trường siêu cao tần, nơi làm việc chật hẹp, nóng, căng thẳng thần kinh tâm lý.                           |
| 4     | Lắp ráp, kiểm tra, hiệu chỉnh, sửa chữa đạn tên lửa                                                                | Công việc nguy hiểm, tiếp xúc hoá chất độc, tập trung chú ý cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.                                          |
| 5     | Vận hành máy nén khí nạp vào tên lửa, khí tài tác chiến điện tử.                                                   | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ồn, bụi.                                                                                               |
|       |                                                                                                                    |                                                                                                                                        |

|   |                                                                          |                                                                                                |
|---|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 | Vận hành, kiểm tra, sửa chữa, hiệu chỉnh radar, radar tác chiến điện tử. | Ảnh hưởng điện từ trường siêu cao tần, tia rơn ghen, hiệu ứng bề mặt, ồn.                      |
| 7 | Kíp điều khiển pháo phòng không tự hành (Zcy 23...).                     | Làm việc trong xe, nóng, chật hẹp, gò bó, ồn, rung xóc, ảnh hưởng điện từ trường siêu cao tần. |

## II. KHÔNG QUÂN.

| Số TT | Tên nghề hoặc công việc                                                    | Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc                                                                                |
|-------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       | Điều kiện lao động loại VI                                                 |                                                                                                                                   |
| 1     | Lái máy bay chiến đấu siêu âm; giáo viên huấn luyện bay; phi công bay thử. | Nặng nhọc, nguy hiểm, hệ số quá tải lớn, thiếu dưỡng khí, ảnh hưởng điện từ trường siêu cao tần, ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý. |
| 2     | Tổ lái máy bay vận tải quân sự, trực thăng vũ trang, máy bay trinh sát.    | Nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng điện từ trường siêu cao tần, ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý.                                     |
|       | Điều kiện lao động loại V                                                  |                                                                                                                                   |
| 3     | Lái máy bay trinh sát cánh mềm.                                            | Nguy hiểm, ảnh hưởng điện từ trường, ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý.                                                             |
| 4     | Nhảy dù (làm nhiệm vụ chiến đấu, tìm kiếm, cấp cứu).                       | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý.                                                                      |
| 5     | Kỹ thuật cơ vụ bảo đảm an toàn bay ở các sân bay quân sự.                  | Làm việc ngoài trời, ảnh hưởng tiếng ồn lớn vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, điện từ trường.                                   |
| 6     | Sửa chữa máy bay phản lực tại các trạm, xưởng sửa chữa.                    | Công việc nặng nhọc, chịu tác động tiếng ồn lớn vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần và hoá chất độc hại.                           |
|       |                                                                            |                                                                                                                                   |

|   |                                         |                                                                                                          |
|---|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7 | Dẫn đường bay ở các trạm radar sân bay. | Ảnh hưởng tiếng ồn lớn, điện từ trường siêu cao tần, bức xạ màn hình radar, căng thẳng thần kinh tâm lý. |
|---|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|

III. HẢI QUÂN.

| Số TT | Tên nghề hoặc công việc                               | Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc                                                                        |
|-------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       | Điều kiện lao động loại VI                            |                                                                                                                           |
| 1     | Sỹ quan, thuyền viên làm việc trong tàu ngầm quân sự. | Làm việc trong điều kiện chật hẹp, gò bó, thiếu dưỡng khí,áp suất cao, tiêu hao năng lượng lớn, mệt mỏi thần kinh tâm lý. |
| 2     | Sỹ quan, thuyền viên làm việc trên tàu chiến.         | Công việc ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm, rung, ồn lớn, tư thế gò bó, mệt mỏi thần kinh tâm lý.                         |
| 3     | Thợ lặn.                                              | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu áp suất cao, thiếu dưỡng khí.                                                        |
| 4     | Bộ đội phòng thủ ở Trường Sa và DK1.                  | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, nơi làm việc ẩm ướt, chịu tác động của thời tiết, sóng gió dễ nhiễm khuẩn, nhiễm bệnh.    |
|       | Điều kiện lao động loại V                             |                                                                                                                           |
| 5     | Bộ đội phòng thủ đảo xa.                              | Công việc nguy hiểm chịu tác động của thời tiết, sóng gió, ẩm ướt, dễ nhiễm khuẩn, nhiễm bệnh.                            |
| 6     | Bộ đội Hải quân đánh bộ.                              | Vừa hoạt động dưới tàu biển, vừa bơi lội dưới nước và vận động trên bộ, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.                   |
| 7     | Sửa chữa, lắp đặt máy tàu, thiết bị vũ                | Công việc nặng nhọc, độc hại, độ ồn                                                                                       |

|  |                          |                                                    |
|--|--------------------------|----------------------------------------------------|
|  | khí trong hầm tàu chiến. | lớn, nơi làm việc chật hẹp, tư thế làm việc gò bó. |
|--|--------------------------|----------------------------------------------------|

#### IV. TẦNG - THIẾT GIÁP.

| Số TT | Tên nghề hoặc công việc                                                                        | Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc                                                                                                      |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       | Điều kiện lao động loại VI                                                                     |                                                                                                                                                         |
| 1     | Kíp xe tăng, thiết giáp bánh xích.                                                             | Công việc nặng nhọc, nơi làm việc nóng, chật hẹp, thiếu dưỡng khí, ánh sáng, ảnh hưởng khí CO2, ồn, rung và bụi vượt mức tiêu chuẩn cho phép nhiều lần. |
|       | Điều kiện lao động loại V                                                                      |                                                                                                                                                         |
| 2     | Huấn luyện thực hành lái và bắn trên xe tăng-thiết giáp bánh xích.                             | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, nơi làm việc nóng, chật hẹp, tập trung chú ý cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.                                          |
| 3     | Kiểm tra,chạy thử xe tăng, thiết giáp bánh xích.                                               | Công việc nặng nhọc, nơi làm việc nóng, chật hẹp, ồn, rung, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý.                                                           |
| 4     | Lái các loại xe chở xe tăng; kíp xe thiết giáp bánh lốp.                                       | Công việc nặng nhọc,tư thế làm việc gò bó, ồn, rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.                                                                 |
| 5     | Tẩy rửa xe tăng qua bể xút; sửa chữa bánh tỳ, ép gíp mặt máy, thử lực máy nổ tăng, thiết giáp. | Công việc thủ công rất nặng nhọc, độc hại, ồn lớn.                                                                                                      |

#### V. ĐẶC CÔNG

| Số TT | Tên nghề hoặc công việc    | Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc |
|-------|----------------------------|----------------------------------------------------|
|       | Điều kiện lao động loại VI |                                                    |
|       |                            |                                                    |